

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

NGUYỄN TRÍ TUYẾN

## THỜI HẠN TỔ TỤNG DÂN SỰ

*Chuyên ngành* : Luật dân sự

*Mã số* : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

*Người hướng dẫn khoa học*: TS. Nguyễn Công Bình

*Phản biện 1*:

*Phản biện 2*:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2014.

Có thể tìm hiểu luận văn  
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang		
<i>Trang phụ bìa</i>			
<i>Lời cam đoan</i>			
<i>Mục lục</i>			
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>			
<b>MỞ ĐẦU</b>	1		
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỜI HẠN TỔ TỤNG DÂN SỰ</b>	7		
1.1. Khái niệm và ý nghĩa của thời hạn tố tụng dân sự	7		
1.1.1. Khái niệm thời hạn tố tụng dân sự	7		
1.1.2. Ý nghĩa của thời hạn tố tụng dân sự	10		
1.2. Cơ sở của việc pháp luật quy định về thời hạn tố tụng dân sự	13		
1.2.1. Cơ sở lý luận của việc pháp luật quy định về thời hạn tố tụng dân sự	13		
1.2.2. Cơ sở thực tiễn của việc pháp luật quy định về thời hạn tố tụng dân sự	16		
1.3. Sơ lược sự hình thành và phát triển các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự	18		
1.3.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989	18		
1.3.2. Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2004	20		
1.3.3. Giai đoạn từ năm 2004 đến nay	22		
<b>Chương 2: NỘI DUNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ THỜI HẠN TỔ TỤNG DÂN SỰ</b>	25		
2.1. Thời hạn tố tụng dân sự trong thủ tục sơ thẩm	25		
2.1.1. Thời hạn thụ lý đơn khởi kiện, yêu cầu giải quyết việc dân sự	25		
2.1.2. Thời hạn chuẩn bị mở phiên tòa, phiên họp	29		
2.1.3. Thời hạn tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng	34		
2.2. Thời hạn tố tụng dân sự trong thủ tục phúc thẩm	39		
2.2.1. Thời hạn kháng cáo, kháng nghị bản án, quyết định	39		
2.2.2. Thời hạn chuẩn bị mở phiên tòa, phiên họp	46		
2.2.3. Thời hạn tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng	49		
<b>Chương 3: THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỜI HẠN TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ KIẾN NGHỊ</b>	53		
3.1. Thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn tố tụng dân sự	53		
3.1.1. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn tố tụng dân sự	53		
3.1.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập trong việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự	55		
3.2. Một số kiến nghị về hoàn thiện và thực hiện pháp luật Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự	68		
3.2.1. Kiến nghị về việc hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự	68		
3.2.2. Kiến nghị thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự	72		
<b>KẾT LUẬN</b>	75		
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	77		

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm qua, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhất là đội ngũ cán bộ còn thiếu, cơ sở vật chất và phương tiện còn nghèo nàn, trong khi số lượng các vụ án phải giải quyết ngày một gia tăng, ngành Tòa án đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu công tác đề ra, đồng thời tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp như nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên tòa, khẩn trương hoàn thành việc giao thẩm quyền xét xử mới cho Tòa án cấp huyện, tăng cường công tác giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân... Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của xã hội, các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động đang gia tăng không ngừng với tính chất ngày càng đa dạng và phức tạp, trong khi đó, vì nhiều nguyên nhân khác nhau mà việc xây dựng, củng cố và kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án chưa đáp ứng được yêu cầu xét xử trong tình hình mới của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế. Mặt khác, nhiều quy định của pháp luật tố tụng dân sự còn mang tính chung chung, thậm chí xa rời với đời sống thực tiễn... chính điều đó đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng xét xử vụ án, gây ra tình trạng các bản án, quyết định của Tòa án không khách quan, án tồn đọng còn nhiều, ảnh hưởng lớn đến quyền lợi của các chủ thể, gây mất lòng tin của nhân dân. Đứng trước tình hình đó, vấn đề cấp bách đặt ra là phải hoàn thiện và xây dựng hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật tố tụng dân sự nói riêng sao cho thống nhất, đồng bộ và khả thi trong thực tế mà một trong số đó là các quy định về thời hạn tố tụng trong tố tụng dân sự.

Việc xác định thời hạn tố tụng có ý nghĩa hết sức quan trọng không chỉ trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của các chủ thể, là căn cứ để Tòa án giải quyết vụ việc dân sự được nhanh chóng, kịp thời, chính xác mà việc xác định thời hạn tố tụng còn có ý nghĩa trong việc nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Tuy nhiên, một số quy định về thời hạn tố tụng trong Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS đã bộc lộ những hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu, xem xét sửa đổi một cách tổng thể cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn. Chính vì những lý do nêu trên, tác giả đã mạnh dạn lựa chọn đề tài "*Thời hạn tố tụng dân sự*" làm đề tài luận văn thạc sỹ của mình.

### 2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Từ trước đến nay đã có một số công trình nghiên cứu về tố tụng dân sự ít nhiều đề cập đến thời hạn tố tụng dân sự ở các mức độ khác nhau. Về đề tài nghiên cứu khoa học có công trình nghiên cứu cấp Bộ "*Một số vấn đề về cơ sở lý luận và thực tiễn của việc xây dựng Bộ luật Tố tụng dân sự*" do Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) thực hiện năm 1996; công trình nghiên cứu cấp Bộ "*Những quan điểm cơ bản về Bộ luật Tố tụng dân sự Việt Nam*" do Viện Nhà nước và Pháp luật thuộc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia thực hiện năm 2001. Về giáo trình, có Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam, trường Đại học Luật Hà Nội, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2011; Giáo trình Luật Tố tụng dân sự Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục, 2011; Giáo trình Luật Tố tụng dân sự, Học viện Tư pháp, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2007. Về luận văn cao học có *Hoàn thiện chế định khởi kiện và thụ lý vụ án dân sự trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội của Nguyễn Thu Hiền, 2012. Trong quá trình xây dựng và sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS được ban hành, đã có nhiều cuộc hội thảo được tổ chức có các bài tham luận liên quan như "*Hội thảo về Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự*" do TANDTC tổ chức tại Sa Pa ngày 29 và 30/01/2010; bài "*Những quan điểm, tư tưởng chỉ đạo trong việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự*" của Phạm Quý Ty, đăng trên tạp chí Kiểm sát số 12/2011 v.v... Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu, bài viết của các tác giả nêu trên chỉ nghiên cứu, đề cập đến một hoặc một số vấn đề của thời hạn tố tụng dân sự. Cho đến nay, nhất là từ sau khi có Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của BLTTDS chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách đầy đủ, toàn diện các vấn đề về lý luận và thực tiễn về thời hạn tố tụng trong tố tụng dân sự Việt Nam.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài**

Đối tượng nghiên cứu đề tài là những vấn đề lý luận về thời hạn tố tụng dân sự, các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thời hạn tố tụng dân sự và thực hiện các quy định này tại các Tòa án Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu đề tài: "*Thời hạn tố tụng dân sự*" là một đề tài có nội dung rất rộng. Tuy nhiên do giới hạn của luận văn thạc sĩ và do điều kiện, khả năng nghiên cứu còn hạn chế của tác giả nên đề tài chỉ tập trung vào một số vấn đề lý luận cơ bản về thời hạn tố tụng dân sự ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm, các quy định của BLTTDS, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS và các văn bản hướng dẫn thi hành về thời hạn tố tụng ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thực tiễn áp dụng các quy định này trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự tại Tòa án nhân dân (TAND) trong những năm gần đây.

### **4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài**

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là làm rõ một số vấn đề lý luận về thời hạn tố tụng dân sự; nội dung các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thời hạn tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện các quy định này tại Tòa án. Qua việc nghiên cứu nhận diện, phát hiện những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thời hạn tố tụng từ đó tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục để góp phần nâng cao hiệu quả công tác xét xử của Tòa án, bảo vệ tối đa quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể khi bị xâm phạm.

Xuất phát từ mục đích nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài là nghiên cứu những vấn đề lý luận về thời hạn tố tụng dân sự, nhất là thời hạn tố tụng dân sự ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm, các quy định của pháp luật hiện hành về thời hạn tố tụng và khảo sát việc thực hiện các quy định này tại các Tòa án.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đề tài**

Luận văn được hoàn thành trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật; quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Phương pháp nghiên cứu của luận văn là đi từ lý luận đến thực tiễn, dùng thực tiễn để kiểm chứng lý luận. Quá trình nghiên cứu luận văn, tác giả cũng đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học pháp lý truyền thống như phương pháp thống kê, phân tích, khảo sát, tổng hợp, so sánh... để thực hiện đề tài. Để chứng minh cho các luận điểm của mình, tác giả cũng đã sử dụng các số liệu thống kê của ngành TAND và lựa chọn một số vụ án đã được các Tòa án cấp huyện xét xử làm ví dụ minh họa.

### **6. Những điểm mới về khoa học của luận văn**

- Hoàn thiện khái niệm thời hạn tố tụng dân sự và phân tích khoa học ý nghĩa của thời hạn tố tụng dân sự.

- Phân tích làm rõ nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành về thời hạn tố tụng dân sự.

- Đánh giá đúng thực trạng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành về thời hạn tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện tại các Tòa án.

- Đề xuất những giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện và thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự.

### **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Những vấn đề lý luận về thời hạn tố tụng dân sự

*Chương 2:* Nội dung các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thời hạn tố tụng dân sự

*Chương 3:* Thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn tố tụng dân sự và kiến nghị.

## **Chương 1**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỜI HẠN TỔ TỤNG DÂN SỰ**

#### **1.1. Khái niệm và ý nghĩa của thời hạn tố tụng dân sự**

##### **1.1.1. Khái niệm thời hạn tố tụng dân sự**

Việc giải quyết các vụ việc dân sự tiến hành nhanh chóng sẽ giải quyết được tranh chấp, bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể. Để thực hiện được điều này thì mỗi hành vi của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đều phải tiến hành trong một khoảng thời gian nhất định.

Theo Đại từ điển Tiếng Việt của Nguyễn Như Ý thì: "*Thời hạn là khoảng thời gian quy định để làm xong hoặc chấm dứt việc nào đó*"; theo Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ, Viện Khoa học - Xã hội - Nhân văn thì: "*Thời hạn là khoảng ngày giờ có giới hạn, có định trước, không được quá*"; trong khi đó cuốn Từ điển Từ và Ngữ Việt Nam của GS. Nguyễn Lân lại giải thích thời hạn là "*khoảng thời gian có giới hạn nhất định để làm việc gì*". Như vậy có thể thấy về mặt nội hàm thì các từ điển đều giải thích thời hạn là một khoảng thời gian để làm hoặc chấm dứt một công việc nhất định.

Trong tố tụng dân sự, thời hạn tố tụng là khoảng thời gian được xác định gắn liền với toàn bộ trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự, bắt đầu từ khi Tòa án nhận đơn khởi kiện hoặc đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và kết thúc khi vụ việc được giải quyết xong. Toàn bộ trình tự giải quyết vụ việc dân sự lại bao gồm nhiều thủ tục tố tụng, nhiều giai đoạn tố tụng khác nhau. Mỗi thủ tục, mỗi giai đoạn tố tụng lại có quy định thời hạn tố tụng cụ thể (ví dụ giai đoạn khởi kiện và thụ lý vụ án có quy định riêng về thời hạn thực hiện. Trong giai đoạn khởi kiện và thụ lý lại quy định thời hạn để thực hiện từng thủ tục, như từ lúc nhận đơn đến khi thông báo cho đương sự bổ sung các chứng cứ, tài liệu theo quy định của pháp luật tố tụng phải thực hiện trong bao lâu. Hoặc từ khi đương sự hoàn tất thủ tục khởi kiện đến khi Tòa án thụ lý vụ việc thì thời gian được quy định như thế nào).

Từ những vấn đề nêu trên, có thể kết luận: *Thời hạn tố tụng dân sự là một khoảng thời gian được xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác để người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện hành vi theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.*

##### **1.1.2. Ý nghĩa của thời hạn tố tụng dân sự**

*Thứ nhất*, xác định từng công việc phải làm trong từng khoảng thời gian nhất định.

*Thứ hai*, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ làm cho việc giải quyết vụ việc dân sự được nhanh chóng, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

*Thứ ba*, xác định trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người liên quan trong trường hợp họ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ và quyền hạn của họ trong thời hạn tố tụng cụ thể.

#### **1.2. Cơ sở của việc pháp luật quy định về thời hạn tố tụng dân sự**

##### **1.2.1. Cơ sở lý luận của việc pháp luật quy định về thời hạn tố tụng dân sự**

Cơ sở lý luận của việc pháp luật quy định về thời hạn tố tụng dân sự nằm ở những điểm sau:

- Khi quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể bị xâm phạm, các chủ thể có quyền sử dụng các biện pháp để bảo vệ như: tự bảo vệ; yêu cầu công nhận quyền dân sự của mình; yêu cầu chủ thể vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm; buộc xin lỗi, cải chính công khai; buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự; yêu cầu bồi thường thiệt hại. Tuy nhiên khi các biện pháp nêu trên không phát huy hiệu quả thì các chủ thể quyền chỉ còn sự lựa chọn tối ưu nhất là khởi kiện hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc dân sự.

- Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người liên quan khi tiến hành tố tụng hoặc tham gia

tổ tụng đều phải xác định rõ được trách nhiệm của mình. Trách nhiệm ở đây sẽ tương ứng với mỗi chủ thể. Mỗi chủ thể đều phải hiểu rằng mình phải có trách nhiệm trong việc tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn tố tụng dân sự. Nếu chỉ một hoặc một số chủ thể không thực hiện hoặc thực hiện không tốt các quy định về thời hạn tố tụng dân sự thì chắc chắn các chủ thể còn lại sẽ không thể thực hiện tốt được công việc của mình

- Pháp luật tố tụng dân sự quy định: trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, tương ứng với mỗi khoảng thời gian nhất định, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người liên quan đều phải thực hiện những hành vi tố tụng nhất định. Đây chính là cơ sở để xác định trách nhiệm của mỗi chủ thể tố tụng.

### **1.2.2. Cơ sở thực tiễn của việc pháp luật quy định về thời hạn tố tụng dân sự**

Thực tiễn đặt ra là pháp luật tố tụng dân sự phải có quy định về thời hạn tố tụng trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự. Trong giai đoạn khởi kiện và thụ lý, Tòa án phải xem xét thụ lý, ra quyết định thụ lý, thông báo về việc thụ lý, thông báo về việc nộp tiền tạm ứng án phí... tương ứng với những thời hạn nhất định; đương sự nếu có yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu, nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí... thì cũng phải thực hiện những công việc này trong những thời hạn nhất định. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án phải ra một trong số các quyết định (ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án, đưa vụ án ra xét xử) trong thời hạn tối đa từ ba đến sáu tháng (Điều 179 BLTTDS). Cũng trong giai đoạn này, đương sự phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, nếu vắng mặt không có lý do chính đáng đến lần thứ hai thì đương sự phải chịu trách nhiệm về sự vắng mặt đó; đương sự có quyền thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành của mình trong thời hạn bảy ngày, hết thời hạn đó Tòa án sẽ ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự... Tương tự thì ở các giai đoạn tố tụng tiếp theo như xét

xử thì cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng cũng sẽ phải thực hiện các hành vi tố tụng trong những khoảng thời gian nhất định.

## **1.3. Sơ lược sự hình thành và phát triển các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự**

### **1.3.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989**

Cách mạng tháng tám thành công đã mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Bên cạnh việc ban hành Sắc lệnh số 47/SL ngày 10/10/1945, Nhà nước ta đã ban hành hàng loạt các văn bản quy phạm pháp luật mới như Sắc lệnh số 13/SL ngày 24/1/1946 về tổ chức Tòa án và quy định các ngạch Thẩm phán; Sắc lệnh số 51/SL ngày 17/4/1946; Sắc lệnh số 97/SL ngày 22/5/1950...

Ngày 01/01/1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 01/LCT công bố Hiến pháp mới của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trên cơ sở Hiến pháp năm 1959, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã thông qua Luật tổ chức TAND ngày 14/7/1960 và Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh quy định cụ thể về tổ chức TAND và tổ chức của các TAND địa phương ngày 23/3/1961. ...

Trên cơ sở nội dung của những văn bản trên, có thể nhận thấy trong giai đoạn này chưa có những quy định riêng về thời hạn tố tụng như một chương riêng hoặc là một chế định của pháp luật tố tụng dân sự.

### **1.3.2. Giai đoạn từ năm 1989 đến năm 2004**

Ngày 29/11/1989 Hội đồng nhà nước đã thông qua Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự. Đây là văn bản pháp luật đầu tiên pháp điển hóa những nội dung căn bản của thủ tục giải quyết vụ án dân sự. Tuy nhiên cũng giống như trước đây, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự cũng không quy định thời hạn tố tụng thành một chương riêng mà các quy định về thời hạn nằm rải rác ở một số điều luật như:

- Những trường hợp trả lại đơn khởi kiện (Điều 36); Thời hạn thụ lý và nộp tiền tạm ứng án phí: (Điều 37); Thời hạn trong thủ tục áp dụng biện pháp

khẩn cấp tạm thời:(Điều 42); Thời hạn hòa giải:(Điều 44); Thời hạn chuẩn bị xét xử: (Điều 47); Cấp trích lục, bản sao bản án hoặc quyết định của Tòa án (Điều 57); Thời hạn kháng cáo, kháng nghị:(Điều 59); Thời hạn thông báo việc kháng cáo, kháng nghị; thời hạn gửi hồ sơ cho Tòa án cấp phúc thẩm (Điều 61); Thời hạn xét xử phúc thẩm: (Điều 64); Thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm; thông báo việc kháng nghị Giám đốc thẩm (Điều 73); Thời hạn xét xử giám đốc thẩm: (Điều 75); Thời hạn kháng nghị tái thẩm (Điều 79); Thời hạn xét xử tái thẩm (Điều 81);

Tựu trung lại, mặc dù so với các giai đoạn trước đây, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự đã đánh dấu sự chuyển biến lớn trong các quy định về tố tụng dân sự nói chung và về thời hạn nói riêng tuy nhiên các quy định này không chỉ thiếu về số lượng mà còn chưa đầy đủ về nội dung dẫn đến việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn xét xử còn nhiều hạn chế.

### ***1.3.3. Giai đoạn từ năm 2004 đến nay***

Đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, đồng thời cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 1992, ngày 15 tháng 06 năm 2004, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua BLTTDS gồm 36 chương với 418 điều. Sau bảy năm thi hành BLTTDS đã đóng góp lớn vào sự ổn định và phát triển của các giao lưu dân sự, thúc đẩy và bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên...Tuy nhiên BLTTDS cũng đã bộc lộ nhiều hạn chế cần phải được sửa đổi bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và tình hình mới. Trên cơ sở Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị và trước yêu cầu của thực tế, ngày 29/03/2011, Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ chín đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS. Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2012.

Đây là những mốc quan trọng của pháp luật tố tụng dân sự nói chung cũng như các quy định về thời hạn tố tụng nói riêng. Đây là lần đầu tiên, ngoài việc được quy định chi tiết tại nhiều điều khoản khác nhau trong BLTTDS thì thời hạn tố tụng còn được quy định thành một chương riêng

(Chương XI) của BLTTDS. Và cũng là lần đầu tiên thời hạn tố tụng dân sự được quy định trong một văn bản pháp luật có giá trị pháp lý và tính pháp điển hóa cao là Bộ luật.

Cùng với việc ban hành BLTTDS và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS, Nhà nước ta cũng đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn thi hành bộ luật này như Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP, Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐTP, Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP, Nghị quyết số 06/2012/NQ-HĐTP.

Với việc BLTTDS dành hẳn một chương quy định về thời hạn tố tụng (chưa kể đến các quy định cụ thể về thời hạn tố tụng tại các chương, mục khác) và các hướng dẫn trong các nghị quyết của Hội đồng thẩm phán TANDTC, các vấn đề về thời hạn tố tụng dân sự đã được quy định tương đối đầy đủ, chặt chẽ, khắc phục được tình trạng tản mạn, mâu thuẫn, khiếm khuyết trong các văn bản pháp luật tố tụng trước đây.

### ***Kết luận chương 1***

Việc xác định thời hạn tố tụng có ý nghĩa hết sức quan trọng không chỉ trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của các chủ thể, là căn cứ để Tòa án giải quyết vụ việc dân sự được nhanh chóng, kịp thời, chính xác mà việc xác định thời hạn tố tụng còn có ý nghĩa trong việc nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và những người liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng. Để làm rõ và vận dụng các quy định về thời hạn tố tụng thì trước hết phải khái quát được những vấn đề lý luận về thời hạn tố tụng như: khái niệm thời hạn tố tụng; ý nghĩa thời hạn tố tụng; cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc pháp luật quy định về thời hạn tố tụng; sự hình thành và phát triển của các quy định về thời hạn tố tụng trong các giai đoạn lịch sử khác nhau. Làm rõ được những vấn đề lý luận về thời hạn tố tụng sẽ là tiền đề để nghiên cứu, đánh giá các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự, chỉ ra được những tồn tại, bất cập của pháp luật về thời hạn tố tụng

## *Chương 2*

### **NỘI DUNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ THỜI HẠN TỔ TỤNG DÂN SỰ**

#### **2.1. Thời hạn tố tụng dân sự trong thủ tục sơ thẩm**

##### **2.1.1. Thời hạn thụ lý đơn khởi kiện, yêu cầu giải quyết việc dân sự**

###### *2.1.1.1. Thời hạn thụ lý đơn khởi kiện*

Trong tiến trình tố tụng, thụ lý vụ án là công việc đầu tiên của hoạt động tố tụng dân sự tại Tòa án, nếu không thụ lý vụ án thì sẽ không có các bước tiếp theo của quá trình thực hiện tố tụng, thụ lý chính là quá trình nhận đơn và xem xét các điều kiện để Tòa án tiến hành giải quyết vụ án hay trả lại đơn khởi kiện cho đương sự. Thời điểm Tòa án thụ lý vụ án là thời điểm xác định trách nhiệm pháp lý của Tòa án, đồng thời là thời điểm bắt đầu tính thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của BLTTDS.

Điều 167 BLTTDS quy định, trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Tòa án phải xem xét và có một trong các quyết định sau đây:

+ Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của mình;

+ Chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và báo cho người khởi kiện biết, nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác;

+ Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện, nếu việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

###### *2.1.1.1. Thời hạn yêu cầu giải quyết việc dân sự*

Bộ luật Tố tụng dân sự không có quy định cụ thể về thủ tục thụ lý việc dân sự cũng như không quy định về phương thức gửi đơn yêu cầu, thủ tục nhận đơn yêu cầu, trả lại đơn, yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu, khiếu nại và giải quyết khiếu nại về việc trả lại đơn yêu cầu, thụ lý, phân công thẩm phán giải quyết việc dân sự. Tuy nhiên áp dụng Điều 311 BLTTDS Tòa án có thể vận dụng các quy định tương tự về thủ tục thụ lý vụ án dân sự để thụ lý giải quyết yêu cầu.

#### **2.1.2. Thời hạn chuẩn bị mở phiên tòa, phiên họp**

##### *2.1.2.1. Thời hạn chuẩn bị mở phiên tòa*

Thời hạn chuẩn bị phiên tòa hay nói cách khác chính là thời hạn chuẩn bị xét xử. *Thời hạn chuẩn bị xét xử được hiểu là một giai đoạn tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự tại Tòa án*, trong thời hạn này, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng tiến hành các công việc cần thiết nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án (Ví dụ: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án phải tiến hành các công việc cần thiết để xây dựng hồ sơ vụ án, đối chất các bên đương sự trong trường hợp cần thiết, tiến hành hòa giải các bên đương sự, ra các quyết định tố tụng phù hợp với diễn biến của vụ án; đương sự phải cung cấp chứng cứ, làm bản tự khai, tham gia hòa giải, yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp tố tụng cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình...) để trong trường hợp các bên đương sự không hòa giải được với nhau thì Tòa án có thể ra phán quyết về vụ việc nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

##### *2.1.2.2. Thời hạn chuẩn bị mở phiên họp*

Do BLTTDS trong phần những quy định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự không quy định cụ thể về thời hạn chuẩn bị mở phiên họp để xét đơn yêu cầu nên về nguyên tắc, từ tính chất của thủ tục giải quyết việc dân sự, thời hạn chuẩn bị mở phiên họp để xét đơn yêu cầu, thời hạn mở phiên họp đối với việc giải quyết việc dân sự ngắn hơn nhiều so với thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa đối với việc giải quyết vụ án dân sự. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại Điều 311 BLTTDS thì thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu có thể được áp dụng theo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 179 BLTTDS trừ những việc dân sự có quy định riêng.

#### **2.1.3. Thời hạn tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng**

*2.1.3.1. Thời hạn tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng khi giải quyết vụ án dân sự*

Thời hạn tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng khi giải quyết vụ án dân sự được bắt đầu khi Tòa án nhận được đơn khởi kiện hoặc sau khi nhận được đơn khởi kiện. Điều 169 BLTTDS quy định:



Sau khi thụ lý vụ án, trong thời hạn ba ngày làm việc Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho bị đơn, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án. Đồng thời Tòa án cũng thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án thụ lý vụ án.

Việc thông báo cho các đương sự trong thời hạn ba ngày là rất cần thiết để các đương sự biết về việc vụ án đã được thụ lý và các đương sự chủ động trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đối với Viện kiểm sát, việc Tòa án thông báo thụ lý vụ án không chỉ có ý nghĩa là trách nhiệm của Tòa án theo luật định mà đây cũng thể hiện trách nhiệm của Viện kiểm sát. Kể từ thời điểm được thông báo, Viện kiểm sát có trách nhiệm phải kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ngay từ giai đoạn thụ lý.

*2.1.3.2. Thời hạn tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng khi giải quyết việc dân sự*

Bộ luật Tố tụng dân sự không có quy định cụ thể về thời hạn tổng đạt, thông báo thụ lý việc dân sự cũng như không quy định thời hạn phân công thẩm phán giải quyết việc dân sự, thời hạn đương sự phải nộp tạm ứng lệ phí và biên lai nộp lệ phí... Tuy nhiên áp dụng Điều 311 BLTTDS Tòa án có thể vận dụng các quy định tương tự về thời hạn tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng khi giải quyết việc dân sự.

## **2.2. Thời hạn tố tụng dân sự trong thủ tục phúc thẩm**

### **2.2.1. Thời hạn kháng cáo, kháng nghị bản án, quyết định**

#### *2.2.1.1. Thời hạn kháng cáo bản án, quyết định*

Việc kháng cáo được thực hiện trong một thời hạn nhất định. Theo quy định tại Điều 245 BLTTDS thì: thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết; thời hạn kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là bảy ngày, kể từ ngày người kháng cáo nhận được quyết định.

#### *2.2.1.2. Thời hạn kháng nghị bản án, quyết định*

Điều 252 BLTTDS quy định:

+ Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm của Viện kiểm sát cùng cấp là mười lăm ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là ba mươi ngày, kể từ ngày tuyên án. Trường hợp kiểm sát viên không tha gia phiên tòa thì thời hạn kháng nghị tính từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được bản án.

+ Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp đối với quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là bảy ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là mười ngày, từ ngày Viện kiểm sát cùng cấp nhận được quyết định.

### **2.2.2. Thời hạn chuẩn bị mở phiên tòa, phiên họp**

#### *2.2.2.1. Thời hạn chuẩn bị mở phiên tòa*

Điều 258 BLTTDS hiện hành quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử (thời hạn mở phiên tòa). Các thời hạn quy định trong điều này đều được tính trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

#### *2.2.2.2. Thời hạn chuẩn bị mở phiên họp*

Do BLTTDS trong phần những quy định chung về thủ tục giải quyết việc dân sự không quy định cụ thể về thời hạn chuẩn bị mở phiên họp để xét đơn yêu cầu nên về nguyên tắc, từ tính chất của thủ tục giải quyết việc dân sự, thời hạn chuẩn bị mở phiên họp để xét đơn yêu cầu, thời hạn mở phiên họp đối với việc giải quyết việc dân sự ngắn hơn nhiều so với thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa đối với việc giải quyết vụ án dân sự. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định tại Điều 311 BLTTDS thì thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu có thể được áp dụng theo quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 258 BLTTDS trừ những việc dân sự có quy định riêng.

### **2.2.3. Thời hạn tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng**

Sau khi đương sự nộp đơn kháng cáo phúc thẩm đến Tòa sơ thẩm, Tòa sơ thẩm sẽ kiểm tra xem xét tính hợp lệ của đơn kháng cáo. Nếu đơn kháng cáo hợp lệ, Tòa án sơ thẩm sẽ ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phúc

thẩm cho người kháng cáo. Thời hạn tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng được quy định cụ thể tại Điều 248 BLTTDS:

### ***Kết luận chương 2***

Như vậy, qua việc nêu và phân tích các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng, có thể thấy pháp luật về tố tụng đã có những quy định khá đầy đủ, cụ thể về thời hạn giải quyết vụ án dân sự cũng như thời hạn giải quyết việc dân sự. Các quy định về thời hạn giải quyết việc dân sự thường ngắn hơn nhiều so với các quy định về thời hạn giải quyết vụ án dân sự, điều này xuất phát từ tính chất đặc thù của các việc dân sự.

Mặc dù pháp luật về tố tụng đã có những quy định khá đầy đủ, cụ thể về thời hạn tố tụng, tuy nhiên vẫn có một số quy định còn chưa rõ ràng, có thể hiểu hoặc áp dụng theo các cách khác nhau. Điều này dẫn đến hệ quả là quá trình giải quyết vụ việc dân sự trong nhiều trường hợp sẽ bị ảnh hưởng: ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; làm giảm chất lượng và hiệu quả trong công tác xét xử của ngành Tòa án. Do đó việc nghiên cứu, trao đổi để sửa đổi, bổ sung các quy định về thời hạn tố tụng dân sự trong thời gian tới là một nhu cầu tất yếu.

### ***Chương 3***

## **THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỜI HẠN TỐ TỤNG DÂN SỰ VÀ KIẾN NGHỊ**

### **3.1. Thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn tố tụng dân sự**

#### ***3.1.1. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn tố tụng dân sự***

Theo Báo cáo tổng kết của TANDTC trong những năm gần đây, trong công tác giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự, việc thực hiện các quy định của pháp luật về thời hạn tố tụng dân sự đã đạt được những kết quả tích cực, hầu hết các vụ án được giải quyết trong thời hạn luật định. Số lượng án quá hạn có xu hướng giảm dần.

Mặc dù vậy, vẫn phải khẳng định ngay rằng thực tiễn áp dụng các điều luật liên quan đến thời hạn trong tố tụng dân sự đã và đang nảy sinh những hạn chế và bất cập, dẫn đến tình trạng án quá thời hạn chuẩn bị xét xử hoặc thậm chí án bị hủy vì vi phạm nghiêm trọng thời hạn tố tụng dân sự vẫn còn. Nguyên nhân sâu xa của những bất cập này có từ nhiều phía, nhưng từ góc độ trải nghiệm cá nhân cộng với sự phản ánh lý thuyết của các môn học trong chương trình đào tạo bậc cao học, tác giả cho rằng có năm hạn chế lớn bắt nguồn từ cả nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan như được thảo luận trong phần tiếp theo dưới đây.

#### ***3.1.2. Những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập trong việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự***

##### ***3.1.2.1. Những hạn chế, bất cập trong việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự***

*Một là*, bất cập về thời hạn cụ thể để đương sự xuất trình, giao nộp chứng cứ cho Tòa án.

*Hai là*, bất cập về thời hạn thông báo thụ lý vụ án quy định tại Điều 174 của BLTTDS.

*Ba là*, bất cập về cách tính thời hạn kháng cáo của người kháng cáo.

*Bốn là*, bất cập về thời hạn mở phiên tòa phúc thẩm.

*Năm là*, bất cập về thời hạn thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú.

##### ***3.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập trong việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự***

- Nguyên nhân chủ quan

+ Việc giải quyết nhiều vụ án giữa các cấp Tòa án chưa thống nhất, nhiều vụ án bị sửa, bị hủy lại nhiều lần gây tâm lý rất e ngại cho các Thẩm phán trong quá trình giải quyết do sợ án bị hủy nhiều, ảnh hưởng đến việc tái bổ nhiệm.

+ Nhiều Thẩm phán được bổ nhiệm nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình hiện nay: tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ

nhân dân còn kém, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của Thẩm phán ở nhiều nơi (nhất là vùng sâu vùng xa) còn hạn chế.

+ Nhiều Thẩm phán không nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án dẫn đến những sai lầm trong việc áp dụng pháp luật, thiếu kỹ năng xét xử các vụ án, nhất là các vụ án có tính chất phức tạp.

- Nguyên nhân khách quan

+ Theo thống kê, số lượng các vụ án dân sự mà ngành Tòa án phải giải quyết ngày càng tăng, trong khi đó nhiều địa phương rất thiếu Thẩm phán do thiếu nguồn bổ nhiệm, do nghỉ hưu trí...

+ Chế độ chính sách đối với cán bộ Tòa án chưa thực sự tương xứng với tính chất công việc đặc thù của Tòa án.

+ Một số cơ quan, tổ chức chưa phối hợp chặt chẽ với Tòa án

+ Một số quy định của pháp luật chưa thực sự phù hợp, chậm được sửa đổi, bổ sung hoặc hướng dẫn kịp thời, trong khi chế định án lệ chưa được quy định...

## **3.2. Một số kiến nghị về hoàn thiện và thực hiện pháp luật Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự**

### **3.2.1. Kiến nghị về việc hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự**

*Thứ nhất:* Bổ sung quy định về thời hạn cung cấp chứng cứ của đương sự

Hiện nay pháp luật tố tụng dân sự của nhiều nước trên thế giới đều ấn định thời hạn cung cấp chứng cứ của đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm dân sự, đương sự không có quyền cung cấp chứng cứ mới. Việc giới hạn thời gian cung cấp chứng cứ của đương sự sẽ buộc đương sự phải có trách nhiệm cao hơn nữa trong việc thu thập, cung cấp chứng cứ và chứng minh cho yêu cầu của mình đồng thời bảo đảm cho việc giải quyết vụ án được nhanh gọn, hạn chế nguy cơ kéo dài quá trình tố tụng. Do đó, để đảm bảo thực hiện nguyên tắc tranh tụng trong tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án, giảm tỷ lệ án bị hủy, sửa thì cần phải giải quyết hài hòa lợi ích của các đương sự trong mối quan hệ với lợi ích chung của toàn xã hội và nghĩa vụ

của chính họ; và như thế thì việc BLTTDS quy định việc giới hạn thời hạn cung cấp chứng cứ là cần thiết.

Từ những phân tích trên, BLTTDS cần phải được bổ sung quy định: *Đương sự chỉ có quyền cung cấp chứng cứ cho đến trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, trừ trường hợp bất khả kháng.*

*Thứ hai:* Sửa đổi về thời hạn thông báo thụ lý vụ án quy định tại Điều 174 của BLTTDS.

Trong thực tế giải quyết các vụ án dân sự, thời hạn "Thông báo về việc thụ lý vụ án" mà pháp luật quy định đã gây không ít khó khăn cho Tòa án khi thực hiện. Nguyên nhân chủ yếu do hoàn cảnh, điều kiện khách quan. Trong một số trường hợp đặc biệt, do đương sự thay đổi địa chỉ nhiều lần, cư trú ở nhiều nơi khác nhau, đương sự đang cư trú ở nước ngoài... việc xác minh và trả lời xác minh trong vụ án dân sự thường chiếm mất quá nhiều thời gian. Với một vụ án có nhiều người liên quan thì Tòa án cần nhiều thời gian hơn để nghiên cứu hồ sơ, xác định chính xác những người có liên quan trước khi gửi "Thông báo về việc thụ lý vụ án" cho các đương sự. Đó là chưa kể đến việc trong nhiều trường hợp, việc tổng đạt thông báo về thụ lý vụ án cho đương sự, niêm yết công khai, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, trường hợp ủy thác tư pháp thì không thể thực hiện trong ba ngày được. Do đó thời hạn "*ba ngày làm việc*" là thời gian quá ngắn để Tòa án có thể *thông báo* cho các đương sự trong vụ án biết về việc Tòa án đã thụ lý vụ án.

Vì vậy, tác giả đề xuất sửa đổi Điều 174 BLTTDS về thời hạn thông báo thụ lý vụ án như sau: "*Trong thời hạn **ba ngày làm việc** kể từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án phải thông báo bằng văn bản cho bị đơn, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án, cho Viện kiểm sát cùng cấp về việc Tòa án đã thụ lý vụ án, **trừ trường hợp do trở ngại khách quan, sự kiện bất khả kháng hoặc pháp luật tố tụng dân sự có quy định khác***".

*Thứ ba:* Sửa đổi, bổ sung Điều 245 BLTTDS quy định về thời hạn kháng cáo.

Khoản 1 Điều 245 quy định: "Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết". Đây là quy định chưa cụ thể và chưa đầy đủ, gây khó khăn khi áp dụng. Theo tác giả, Điều 245 BLTTDS quy định về thời hạn kháng cáo cần được sửa đổi như sau: *Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa mà có người đại diện tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày Tòa tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện tham gia phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày đương sự được cấp, tổng đạt hợp lệ bản án.*

*Thứ tư:* Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 258 BLTTDS quy định về thời hạn mở phiên tòa phúc thẩm.

Khoản 2 Điều 258 BLTTDS quy định: "Trong thời hạn một tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa phúc thẩm; trong trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là hai tháng".

Theo như đã phân tích ở phần bốn mục 3.1.2.1 thì tổng thời gian để thực hiện việc cấp, tổng đạt trong ủy thác tư pháp là trên 2 tháng. Do đó, để đảm bảo tính đồng bộ giữa BLTTDS, Luật Tương trợ tư pháp và Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC thì cần phải sửa đổi khoản 2 Điều 258 BLTTDS như sau: *Trong thời hạn một tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa phúc thẩm; trong trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là hai tháng. Đối với trường hợp phải ủy thác tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử thông qua Bộ ngoại giao, thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá thời hạn thực hiện việc ủy thác theo quy định của Luật tương trợ tư pháp.*

*Thứ năm:* Bổ sung quy định về thời hạn thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú

Như trên đã phân tích, mặc dù BLTTDS quy định rất cụ thể, chi tiết về thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú (Điều 327 BLTTDS) và

công bố thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú (Điều 328BLTTDS) nhưng lại *không quy định về thời hạn thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú.*

Vì vậy, BLTTDS cần phải được bổ sung quy định về quy định về thời hạn thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Có thể quy định thành một Điều riêng hoặc bổ sung vào Điều 327 hoặc Điều 328 BLTTDS.

### **3.2.2. Kiến nghị thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hạn tố tụng dân sự**

- *Đối với người dân:* nâng cao hiểu biết, ý thức pháp luật của những người dân thông qua các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

- *Đối với ngành Tòa án:*

+ Ngành Tòa án cần thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên môn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ Thẩm phán.

+ Cần thực hiện nghiêm túc việc luân chuyển cán bộ, Thẩm phán đảm bảo sự công bằng cũng như phù hợp với trình độ chuyên môn.

+ Bảo đảm đầy đủ các chế độ chính sách đối với cán bộ công chức; nghiên cứu đề xuất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền những vấn đề liên quan đến chế độ đãi ngộ, bồi dưỡng đặc biệt, tiền lương, phụ cấp, chế độ bảo vệ cán bộ, Thẩm phán khi thi hành công vụ để họ yên tâm công tác.

+ Coi trọng công tác giáo dục đạo đức, chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ Tòa án. Đẩy mạnh phong trào thi đua "Phụng công thủ pháp, chí công vô tư" một cách sâu rộng, thiết thực trong toàn ngành Tòa án.

+ Nhanh chóng nghiên cứu hoàn thiện đề án xây dựng mô hình Tòa khu vực để tạo điều kiện cho các Tòa án thực hiện tốt nguyên tắc Tòa án xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

+ Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho ngành Tòa án để công tác xét xử, giải quyết vụ việc dân sự được tốt hơn.

### **Kết luận chương 3**

Thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng đã chỉ ra những điểm bất cập, hạn chế của các quy định này. Đó là

việc luật chưa quy định về thời hạn giao nộp, cung cấp chứng cứ; là việc luật không quy định về thời hạn thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú; là việc quy định về thời hạn thông báo thụ lý vụ án chưa phù hợp; là việc cách tính thời hạn kháng cáo của người kháng cáo vẫn chưa rõ ràng; là thời hạn mở phiên tòa phúc thẩm trong BLTTDS còn chưa tương thích, mâu thuẫn với các văn bản pháp luật khác...

Thông qua việc phân tích những bất cập, hạn chế trong các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thời hạn, tác giả đã chỉ ra những nguyên nhân, đồng thời mạnh dạn đề xuất những sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện các quy định về thời hạn trong tố tụng dân sự; trên cơ sở đó giúp cho việc thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng về thời hạn đạt được hiệu quả cao, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể, duy trì xã hội ổn định, thúc đẩy sự phát triển của các giao lưu dân sự.

## KẾT LUẬN

Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS được ra đời trên cơ sở kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật tố tụng dân sự của nước ta trước đây, đồng thời tham khảo có chọn lọc những kinh nghiệm của một số nước trên thế giới. Việc thi hành các văn bản pháp luật này đã góp phần quan trọng trong việc bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Bảo đảm trình tự và thủ tục tố tụng dân sự dân chủ, công khai, đơn giản, thuận lợi cho người tham gia tố tụng thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; đề cao vai trò, trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong hoạt động tố tụng dân sự. Bảo đảm cho việc giải quyết vụ việc dân sự được nhanh chóng, chính xác, công minh và đúng pháp luật. Các quy định của pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam về thời hạn tố tụng tương đối cụ thể, đảm bảo hài hòa lợi ích của các chủ thể, tương thích với luật pháp quốc tế và thể hiện sự minh bạch, khả thi. Trên cơ sở

pháp lý này, các đương sự đã chủ động khởi kiện, tham gia tố tụng tại Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và các Tòa án đã thụ lý, giải quyết kịp thời các vụ việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Tuy vậy, qua nghiên cứu cũng cho thấy việc thực hiện các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng dân sự trên thực tế vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập đó trước hết là do các quy định của pháp luật về thời hạn tố tụng dân sự còn chưa rõ ràng, đầy đủ và còn mâu thuẫn, sau nữa là do thiếu hiểu biết của đương sự, sự lúng túng, yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm của một số cán bộ, thẩm phán... Để đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, bảo đảm việc giải quyết nhanh chóng, đúng đắn vụ việc dân sự nhằm bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể thì cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thời hạn tố tụng là điều hết sức cần thiết như bổ sung quy định về thời hạn cung cấp chứng cứ của đương sự, sửa đổi quy định tại Điều 174 của BLTTDS về thời hạn thông báo thụ lý vụ án, bổ sung quy định về thời hạn thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú, sửa đổi, bổ sung Điều 245 BLTTDS quy định về thời hạn kháng cáo, sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 258 BLTTDS quy định về thời hạn mở phiên tòa phúc thẩm v.v... Mặt khác, phải sớm kiện toàn được tổ chức, cán bộ ngành Tòa án theo tinh thần của Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị để sớm khắc phục tình trạng cán bộ, Thẩm phán thiếu, yếu ở Tòa án các cấp.

Trong khuôn khổ của đề tài luận văn thạc sĩ, nội dung của bản luận văn này mới đề cập đến những vấn đề cơ bản về thời hạn trong tố tụng dân sự. Một số vấn đề về thời hạn tố tụng dân sự trong thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm chưa được đề cập trong bản luận văn này, sau này học viên sẽ tiếp tục nghiên cứu khi điều kiện cho phép.